**Dự thảo - Các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 (so với năm 2022)**

| **STT** | **NỘI DUNG** | **QUY CHẾ NĂM 2022** | **QUY CHẾ NĂM 2023** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP, PHÚC LỢI, HỖ TRỢ** | | | |
|  | **Điều chỉnh mức lương cơ bản tại Điều 7. Lương theo quy định Nhà nước** | Mức lương cơ sở : 1.490.000 đồng/tháng | Mức lương cơ sở từ 01/07/2023: 1.800.000 đồng / tháng |
|  | **Điều 18. Thu nhập tăng thêm từ UEH** | Đơn giá 1 điểm phân phối: 230.000đ/điểm | Đơn giá 1 điểm phân phối: 255.000đ/điểm (tăng 10% so với năm 2022) |
|  | **Điều 19, Phụ cấp giảng dạy và các hoạt động đào tạo khác** | - Đơn giá giờ chuẩn để tính nghĩa vụ tài chính cho định mức giảng dạy: 47.000đ/giờ chuẩn  - Đơn giá 01 giờ hoạt động đào tạo (chưa có các hệ số nhân, hệ số cộng thêm): 76.000đ/giờ | - Đơn giá giờ chuẩn để tính nghĩa vụ tài chính cho định mức giảng dạy: 50.000đ/giờ chuẩn  - Đơn giá 01 giờ hoạt động đào tạo (chưa có các hệ số nhân, hệ số cộng thêm): 84.000đ/giờ (tăng 10% so với năm 2022) |
|  | **Điều chỉnh hệ số bậc đào tạo áp dụng cho chương trình chuẩn, chương trình tiếng Anh bán phần, toàn phần áp dụng từ K49 và từ HK cuối 2023** | Học phần tiếng Việt chương trình đại trà: 1,5  Học phần tiếng Việt chương trình CLC: 2,5  Học phần tiếng Anh: 2,5 | Học phần tiếng Việt (áp dụng cho tất cả chương trình khóa 49): 2,2  Học phần tiếng Anh: 2,7 |
|  | **Phục lục 2.6, 2.9: Đơn giá thỉnh giảng của giảng viên nước ngoài** | - Đơn giá thỉnh giảng của GV nước ngoài bậc đại học (trừ hệ Cử nhân tài năng): 25 USD/giờ (bao gồm thuế TNCN).  - Đơn giá thỉnh giảng của GV nước ngoài bậc cao học (trừ hệ cao học ISB): 40 USD/giờ (bao gồm thuế TNCN). | - Đơn giá thỉnh giảng của GV nước ngoài bậc đại học (trừ hệ Cử nhân tài năng): 30 USD/giờ (bao gồm thuế TNCN).  - Đơn giá thỉnh giảng của GV nước ngoài bậc cao học (trừ hệ cao học ISB): 45USD/giờ (bao gồm thuế TNCN). |
| **II.** | **CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, CHUYÊN MÔN QUẢN LÝ** | | | |
|  | **Điều 19. Phụ cấp giảng dạy và hoạt động đào tạo khác** | - Đơn giá giờ hoạt động đào tạo: 76.000đ/giờ | - Đơn giá 01 giờ hoạt động đào tạo: 84.000đ/giờ |
|  | **Phụ lục 7: Mức chi quà tặng các ngày kỷ niệm** |  |  |
| **Mừng thọ CBHT nhân ngày QT**  **Người cao tuổi 01/10:** | |  |  | | --- | --- | | -  Nữ trên 85 tuổi – Nam trên 90 tuổi | 800.000đ/người/hàng năm | | -  Nữ 85 tuổi – Nam 90 tuổi | 700.000đ/người/lần | | -  Nữ 80 tuổi – Nam 85 tuổi | 600.000đ/người/lần | | - Nữ 75 tuổi – Nam 80 tuổi | 500.000đ/người/lần | | - Nữ 70 tuổi – Nam 75 tuổi | 400.000đ/người/lần | | - Nữ 65 tuổi – Nam 70 tuổi | 300.000đ/người/lần | | |  |  | | --- | --- | | -  Nữ trên 85 tuổi – Nam trên 90 tuổi | 1.000.000đ/người/hàng năm | | -  Nữ 85 tuổi – Nam 90 tuổi | 900.000đ/người/lần | | -  Nữ 80 tuổi – Nam 85 tuổi | 800.000đ/người/lần | | - Nữ 75 tuổi – Nam 80 tuổi | 700.000đ/người/lần | | - Nữ 70 tuổi – Nam 75 tuổi | 600.000đ/người/lần | | - Nữ 65 tuổi – Nam 70 tuổi | 500.000đ/người/lần | |
| **Thăm gia đình viên chức mất (5 năm trở lại) vào dịp gần Tết** | 500.000đ/gia đình | 800.000đ/gia đình |
| **III** | **NGHIÊN CỨU KHOA HỌC** | | | |
|  | **Mục 3, 4**  **Phụ lục 4: Chương trình thúc đẩy các đơn vị trực thuộc UEH trên các lĩnh vực NCKH, hợp tác quốc tế và quản trị đại học** | Mời GV quốc tế tham gia hoạt động nghiên cứu: Cấp kinh phí 30triệu đồng/chuyên gia/năm + chi phí nhà khách trong thời gian làm việc tại UEH theo Quy định thu hút giảng viên/chuyên gia quốc tế làm việc tại UEH.  Mời GV nước ngoài làm GV thỉnh giảng, hội đồng bảo vệ: Cấp kinh phí 30tr/chuyên gia/năm + chi phí nhà khách trong thời gian làm việc tại UEH + thù lao giảng dạy, hội đồng theo Quy định thu hút giảng viên/chuyên gia quốc tế làm việc tại UEH. | **Điều chỉnh nội dung thực hiện và chuyển vào Phụ lục 20 Chính sách thí điểm tự chủ trong sử dụng ngân sách phục vụ chi thường xuyên được giao tại các trường thuộc UEH**  ***(phụ lục chi tiết đính kèm)*** |
|  | **Mục 8, phụ lục 10**  **Hỗ trợ viên chức tham dự hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia** | - UEH hỗ trợ viên chức tham dự hội thảo quốc tế tối đa 25tr/năm.  - UEH hỗ trợ viên chức tham dự hội thảo quốc gia tối đa 9tr/năm.  - Mức hỗ trợ này bao gồm phí đăng ký tham dự hội thảo, chi phí đi lại, thuê chỗ ở,..các chi phí phát sinh theo chứng từ chi thực tế không vượt quá mức hỗ trợ tối đa | **Điều chỉnh nội dung và chuyển vào Phụ lục 20 Chính sách thí điểm tự chủ trong sử dụng ngân sách phục vụ chi thường xuyên được giao tại các trường thuộc UEH**  ***(phụ lục chi tiết đính kèm)*** |
|  | **Phụ lục 20**  **Chính sách thí điểm tự chủ trong sử dụng ngân sách phục vụ chi thường xuyên được giao tại các trường thuộc UEH (Điều 27)** |  | **Điều chỉnh một số nội dung**  ***(phụ lục chi tiết đính kèm)*** |
|  | **Phụ lục 9: Thù lao các hội đồng và hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH**  **Mục 6. Mức chi thù lao tối đa tham gia các hội thảo khoa học do UEH tổ chức** | Người chủ trì: 1.500.000đ/buổi  Thư ký hội thảo: 500.000đ/buổi  Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000đ/báo cáo.  Báo cáo được BTC đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000đ/báo cáo.  Thành viên tham gia hội thảo: 200.000đ/thành viên/buổi | **Điều chỉnh nội dung và Quy định chi tiết hoạt động tổ chức hội thảo tại phụ lục 21: Kinh phí tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế do UEH tổ chức *(phụ lục chi tiết đính kèm)*** |

**Các nội dung điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 20: Chính sách thí điểm tự chủ trong sử dụng ngân sách phục vụ chi thường xuyên được giao tại các trường thuộc UEH (Điều 27) *(các nội dung chữ đỏ)***

| **STT** | **Nội dung** | **Định mức kinh phí cấp cho Trường** | | **Phân bổ kinh phí của Trường** | | **Cách thức triển khai và quyết toán** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tiền/ĐVT** | **ĐVT** | **Khoa/Viện phụ trách** | **Công tác chung của Trường** |  |  |
| **I** | **Các hoạt động đào tạo** |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Phát triển các sản phẩm chương trình song bằng của UEH. | 20.000.000 | Chương trình | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Chi phục vụ công tác xây dựng chương trình bao gồm chi thù lao và các nội dung khác liên quan. Quyết toán chứng từ phù hợp với nội dung chi |  |
| 1.2 | Số lượng chương trình được kiểm định quốc tế (tái kiểm định và kiểm định mới) | 50.000.000 | Chương trình | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Chi cho các nội dung liên quan đến công tác tập huấn (tài liệu, thù lao chuyên gia,vpp,..) và công tác thu thập minh chứng, biên dịch minh chứng, thù lao hội đồng, thù lao góp ý của chuyên gia, vpp,… Chứng từ chi theo nội dung phát sinh theo quy định bao gồm hóa đơn, danh sách ký nhận thù lao,... theo đúng nội dung chi |  |
| 1.3 | Xây dựng môn học mới theo định hướng đa ngành, liên ngành | 3.000.000 | Môn học | Khoa/Viện chủ động |  | Mục 2.3: Phát triển chương trình đào tạo, OKRs 2022 Căn cứ mục 1, phụ lục 11 QCCTNB UEH |  |
| 1.4 | Phát triển Các chương trình đào tạo được công nhận bởi các trường top 500 hoặc được công nhận bởi các hiệp hội nghề nghiệp | 50.000.000 | Chương trình | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Chương trình đào tạo được được công nhận bởi các trường top 500 hoặc được công nhận bởi các hiệp hội nghề nghiệp Phải có minh chứng công nhận theo quy định Các chứng từ chi liên quan đến công tác thực hiện để chương trình được công nhận: thù lao hội đồng, thù lao xây dựng, công tác hỗ trợ đăng ký với đơn vị công nhận, chi phí liên quan khác |  |
| 1.5 | Các chương trình đào tạo đại trà có môn học chuyên ngành giảng bằng tiếng Anh (đối với môn học năm đầu tiên dạy bằng tiếng anh) | 5.000.000 | Môn học | Khoa/Viện chủ động |  | Căn cứ phụ lục 4 QCCTNB UEH |  |
| 1.6 | Triển khai các môn học trong chương trình đào tạo được theo hướng Blended Learning | 3.000.000 | Môn học | Khoa/Viện chủ động |  | Căn cứ mục 1, phụ lục 11 QCCTNB UEH |  |
| 1.7 | Doanh nghiệp tham gia học kỳ doanh nghiệp (kinh phí tính trên 01 DN ký MOU mới) | 5.000.000 | Doanh nghiệp | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Sử dụng kinh phí phục vụ kết nối doanh nghiệp hoạt động kết nối và ký kết hợp tác với doanh nghiệp Chi tiết các khoản chi và quyết toán theo các chứng từ liên quan (như chi phục vụ lễ ký kết hợp tác doanh nghiệp (hoa, quà,..) hoặc tổ chức ngày hội/workshop kết nối doanh nghiệp) |  |
| **II** | **Hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo** |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Số lượng đề tài/đề án cấp Nhà nước đăng ký trong năm | 15.000.000 | Đề tài đăng ký | Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho nhóm thực hiện đề tài | | Chi hỗ trợ theo Mục 7, phụ lục 9 Quy chế CTNB |  |
| 2.2 | Số lượng đề tài Nafosted đăng ký trong năm | 10.000.000 | Đề tài đăng ký | Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho nhóm thực hiện đề tài | | Chi hỗ trợ theo Mục 7, phụ lục 9 Quy chế CTNB |  |
| 2.3 | Thực hiện đề tài/Đề án Cấp trường và tương đương đăng ký trong năm | 35.000.000 | Đề tài hoàn thành | Kinh phí thực hiện đề tài được thực hiện quyết toán theo quy định hiện nay của UEH. Do chủ nhiệm đề tài thực hiện quyết toán | | Kinh phí đề tài được tạm ứng, giải ngân theo quy định và theo hướng dẫn tại quy trình TCKT.QT.02 của phòng TCKT và theo quy trình phối hợp của Phòng QLKH với Trường thuộc UEH |  |
| Thực hiện đề tài/Đề án Cấp trường và tương đương đăng ký trong năm và miễn nghiệm thu | 40.000.000 | Đề tài hoàn thành | Kinh phí thực hiện đề tài được thực hiện quyết toán theo quy định hiện nay của UEH. Do chủ nhiệm đề tài thực hiện quyết toán | | Kinh phí đề tài được tạm ứng, giải ngân theo quy định và theo hướng dẫn tại quy trình TCKT.QT.02 của phòng TCKT và theo quy trình phối hợp của Phòng QLKH với Trường thuộc UEH |  |
| 2.4 | Số lượng đề tài NCKH sinh viên các cấp được hoàn thành trong năm | 2.000.000 | Đề tài hoàn thành | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Hỗ trợ đề tài NCKH SV các cấp hoàn thành (Chi phí in ấn, hỗ trợ chi phí tham giá đề tài SV thi cấp Bộ, các giải thưởng NCKH,..) Chi theo thực tế phát sinh |  |
| 2.5 | Tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên | 50.000.000 | Năm | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Kinh phí phục vụ các hoạt động NCKH sinh viên như tổ chức các lớp PPNCKH, phát động phong trào NCKH,...Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp |  |
| 2.6 | Tài trợ/thưởng bài báo khoa học công bố quốc tế thuộc danh mục quy định (ISI/Scopus/ABDC) | Theo quy chế chi tiêu nội bộ |  | Kinh phí cấp trực tiếp cho GV | | Mức chi tài trợ, thưởng theo quy định của UEH tại Quy chế CTNB và thực hiện quyết toán kinh phí theo hướng dẫn của phòng QLKH, P. TCKT Hợp đồng tài trợ, BB thanh lý, minh chứng bài báo có xác nhận của phòng QLKH Tổng mức tài trợ/thưởng tối đa cho 01 cá nhân trong 01 năm là 500.000.000 đồng (bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). |  |
| 2.7 | Kinh phí quản lý đối với hoạt động công bố quốc tế (5% số tiền tài trợ GV Trường được thưởng) | 5% | Tổng số bài của các đơn vị thuộc trường | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Được tính trên cơ sở kinh phí của sản phẩm công bố quốc tế đứng tên UEH của viên chức của Trường |  |
| 2.8 | Hoạt động nghiên cứu khoa học cấp Khoa | Theo quy chế chi tiêu nội bộ | | 100% |  | Lập dự toán chi tiết thực hiện và quyết toán chứng từ phù hợp |  |
| 2.9 | Trường tổ chức hội thảo khoa học quốc tế (tối đa 2 hội thảo 1 năm) | 300.000.000 | Hội thảo | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Mức hỗ trợ tối đa trên cơ sở dự toán thu chi (Ưu tiên sử dụng nguồn thu ltài trợ, ệ phí tham dự hội thảo để chi tổ chức hội thảo) Lập dự toán chi cho từng hội thảo trên cơ sở kế hoạch tổ chức và quyết toán theo nội dung chi với chứng từ phù hợp |  |
| 2.10 | Trường tổ chức hội thảo khoa học quốc gia (tối đa 3 hội thảo 1 năm) | 200.000.000 | Hội thảo | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | |  |
| 2.11 | Hỗ trợ kinh phí giảng viên UEH tham gia các hội thảo quốc tế | 25.000.000 | Năm | Cấp trực tiếp cho GV khi đáp ứng các điều kiện | | a) Hỗ trợ viên chức tham dự Hội thảo quốc tế  - Điều kiện hỗ trợ:  + Bài hội thảo được Ban Tổ chức chấp nhận trình bày tại Hội thảo và có trong Chương trình Hội thảo.  + Hội thảo được bảo trợ đăng bài trên các tạp chính danh tiếng thuộc danh mục ISI, Scopus  - Phí nộp bài tham dự được chia theo số lượng tác giả  - Kinh phí tham dự hội thảo (gồm phí đăng ký tham dự hội thảo, chi phí đi lại, thuê chỗ ở,..): hỗ trợ 100% đối với tác giả chính/ tác giả liên hệ. Hỗ trợ 50% đối với 01 tác giả còn lại  - Các chi phí phát sinh theo chứng từ chi thực tế không vượt quá mức hỗ trợ tối đa.  - Hội nghị, hội thảo quốc tế là hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài, thỏa 5 điều kiện sau đây:  (1) Tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp hoặc trực tuyến (online) hoặc kết hợp; (2) Có ít nhất 2 diễn giả chính (keynote speaker) là người nước ngoài; (3) Có Ban chủ tọa quốc tế (International Panel Chair); (4) Công bố kết quả nghiên cứu thông qua kỷ yếu có ISBN; (5) Có tạp chí ISI/Scopus/ABDC hỗ trợ đăng báo quốc tế; |  |
| 2.12 | Hỗ trợ kinh phí giảng viên UEH tham gia các hội thảo quốc gia (chỉ hỗ trợ đối với các hội thảo có thu phí) | 9.000.000 | Năm | Cấp trực tiếp cho GV khi đáp ứng các điều kiện | | - Mức hỗ trợ này bao gồm: phí đăng ký tham dự hội thảo (nếu có), chi phí đi lại, thuê chỗ ở,.. các chi phí phát sinh theo chứng từ chi thực tế không vượt quá mức hỗ trợ tối đa và đáp ứng đủ điều kiện: Bài hội thảo được Ban Tổ chức chấp nhận trình bày tại Hội thảo và có trong Chương trình Hội thảo.  - Điều kiện hỗ trợ: Bài hội thảo được Ban Tổ chức chấp nhận trình bày tại Hội thảo và có trong Chương trình Hội thảo  - Hội nghị, hội thảo quốc gia là hội nghị, hội thảo trong công tác tổ chức có sự phối hợp hoặc tham gia của Bộ, Ban /ngành cấp Trung ương. |  |
| 2.13 | Chi hỗ trợ đối với trường hợp giảng viên UEH làm Chairman/Keynote speaker/ Phản biện cho các hội thảo quốc tế/webinar | 5.000.000 | Người | Cấp trực tiếp cho GV khi đáp ứng các điều kiện | | Minh chứng: Thư mời làm Chairman/Keynote speaker/ Phản biện cho các hội thảo quốc gia/webinar và xác nhận tham dự của BTC hội thảo hoặc minh chứng tham gia |  |
| 2.14 | Thưc hiện ký kết MOU mới với các trường quốc tế uy tín trong năm (các trường quốc tế trong bảng xếp hạng THE TOP 1000, và QS Word TOP 1000 trong năm) | 10.000.000 | Trường Quốc tế | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Hỗ trợ các chi phí liên quan kết nối, ký kết MOU: Chi phí phục vụ tiếp đón, lễ ký kết,.. Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp. |  |
| 2.15 | Hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình liên kết quốc tế lần đầu | 100.000.000 | Chương trình | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Hỗ trợ kinh phí tổ chức chương trình liên kết quốc tế lần đầu tiên như sau:  - Xây dựng hoàn chỉnh dự án mở chương trình liên kết đào tạo và được Hiệu trưởng phê duyệt: 20 triệu - Hỗ trợ chi phí tuyển sinh và marketing cho lớp đầu tiên: 30 triệu - Nếu số lương tuyển sinh từ 20 học viên trở lên: hỗ trợ bổ sung 50 triệu Quyết toán kinh phí theo nội dung chi và chứng từ phù hợp | Phụ lục 4 QCCTNB UEH |
| 2.16 | Thực hiện Dự án/ Hợp đồng hợp tác quốc tế mới trong năm | 10.000.000 | Dự án/Hợp đồng | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Hỗ trợ các chi phí liên quan việc ký kết Dự án/ Hợp đồng hợp tác quốc tế: Công tác phí, chi phí kết nối dự án…. Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp |  |
| 2.17 | Số lượng đoàn giảng viên, chuyên gia quốc tế đến thăm viếng, giao lưu trực tiếp với UEH | 30.000.000 | Lượt | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Chi theo thực tế phát sinh, tối đa theo định mức. Chi phụ vụ đón tiếp, quà tặng, các hoạt động liên quan khác Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp và có xác nhận của phòng QLKH |  |
| Số lượng đoàn giảng viên, chuyên gia quốc tế đến thăm viếng, giao lưu trực tuyến với UEH | 5.000.000 | Lượt | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Chi theo thực tế phát sinh, tối đa theo định mức. Chi phụ vụ đón tiếp, quà tặng, các hoạt động liên quan khác Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp và có xác nhận của phòng QLKH |  |
| 2.18 | Hoạt động giao lưu sinh viên quốc tế trực tiếp (đối với tổ chức đoàn giao lưu SV quốc tế giữa UEH với các Trường) | 30.000.000 | Lượt | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Chi theo thực tế phát sinh, tối đa theo định mức. Chi phụ vụ đón tiếp, quà tặng, các hoạt động liên quan khác Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp và có xác nhận của phòng QLKH |  |
| Hoạt động giao lưu sinh viên quốc tế trực tuyến (đối với tổ chức đoàn giao lưu SV quốc tế giữa UEH với các Trường) | 5.000.000 | Lượt | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động quản lý | | Chi theo thực tế phát sinh, tối đa theo định mức. Chi phụ vụ đón tiếp, quà tặng, các hoạt động liên quan khác Lập dự toán chi chi tiết và quyết toán theo chứng từ phù hợp và có xác nhận của phòng QLKH |  |
| **III** | **Các hoạt động quản trị chung** |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Đào tạo, bồi dưỡng: Tổ chức các lớp đáo tạo, bồi dưỡng chuyên môn | 50.000.000 | Năm | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Chi phục vụ tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng. Không bao gồm các lớp cho Phòng Nhân sự tổ chức (Nâng cao năng lực tiếng anh; các lớp bồi dưỡng chuyên viên chính, GV cao cấp,..; Đào tạo hệ thống LMS) Lập dự toán chi cho từng lớp, khóa đào tạo, bồi dưỡng cơ sở kế hoạch tổ chức và quyết toán theo nội dung chi với chứng từ phù hợp |  |
| 3.2 | Chương trình tham quan thực tế doanh nghiệp cho SV CLC | 10.000.000 | đợt | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Chi phục vụ hoạt động đưa SV đi tham quan thực tế doanh nghiệp, bao gồm các khoản kinh phí cho công tác tổ chức, kinh phí kết nối DN, quà tặng DN. Chi theo thực tế phát sinh và tối đa theo định mức | - Tổ chức theo từng đợt với số lượng 100sv/ đợt. |
| 3.3 | Số Giảng viên đạt học vị TS, học hàm PGS, GS trong năm | 5.000.000 | GV đạt trình độ | Khoa/Viện chủ động |  | Căn cứ phụ lục 4, QCCTNB UEH |  |
| 3.4 | Số lượng giảng viên/chuyên gia quốc tế cơ hữu tăng trong năm (có hợp đồng)  Theo Quy định thu hút giảng viên/chuyên gia quốc tế làm việc tại UEH | 30.000.000 | Chuyên gia | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý | | Kinh phí được sử dụng để tổ chức các hoạt động liên quan của đơn vị phù hợp với hoạt động, quản lý.  Chi theo thực tế phát sinh theo quy định tại QCCTNB  Các trường hợp khác trình BGH phê duyệt |  |
| 3.5 | Kinh phí VPP | Khoán theo QCCTNB | đơn vị | Khoán trực tiếp cho đơn vị |  | Căn cứ phụ lục 13.2, QCCTNB UEH |  |
| 3.6 | Kinh phí điện thoại | Khoán theo QCCTNB | đơn vị | Khoán trực tiếp cho đơn vị |  | Căn cứ phụ lục 13.1, QCCTNB UEH |  |
| 3.7 | Kinh phí hoạt động ngoài giờ của P.Tổng hợp | Theo phương án 80% chi phí ngoài giờ tối đa như các đơn vị quản lý | Phòng TH | Khoán trực tiếp cho Phòng Tổng hợp chủ động quyết toán | | Thực hiện thanh toán theo kinh phí cấp thông qua bảng chấm công làm ngoài giờ |  |
| 3.8 | Kinh phí hoạt động khác của trường | 10.000 | Người học tất cả các bậc hệ của Trường | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý trên cơ sở các hoạt động của Trường | | Kinh phí các hoạt động liên quan khác ngoài OKRs phục vụ các hoạt động của Trường: Lập dự toán chi và quyết toán theo nội dung chi với chứng từ phù hợp | Căn cứ vào số lượng sinh viên của từng Trường |
| **IV** | **Hỗ trợ kinh phí từ hoạt động của các Viện, Trung tâm trực thuộc trường thuộc UEH** | UEH Cấp kinh phí hoạt động tương ứng với tỉ lệ 4% doanh thu của Trung tâm đào tạo ngắn hạn thuộc Trường | | Trường chủ động phân bổ kinh phí phù hợp với hoạt động, quản lý trên cơ sở các hoạt động của Trường | | Kinh phí các hoạt động liên quan khác ngoài OKRs phục vụ các hoạt động của Trường: Lập dự toán chi và quyết toán theo nội dung chi với chứng từ phù hợp |  |  |

*Ghi chú:*

*Căn cứ theo phụ lục 20, Trường thành viên thực hiện lập kế hoạch và dự toán hoạt động năm trên cơ sở các chỉ tiêu đăng ký (OKRs) trình Ban Giám hiệu UEH phê duyệt*

*Căn cứ dự toán được duyệt, Trường thành viên tổ chức thực hiện theo quy định.*

*+ Phê duyệt dự toán đối với hoạt động thuộc phụ lục 20*

*+ Quyết toán kinh phí thực tế phát sinh theo hoạt động cụ thể*

*+ Việc phê duyệt dự toán và quyết toán kinh phí phải căn cứ Quy chế CTNB và các quy định khác của UEH.*

**Phụ lục 21. Kinh phí tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế do UEH tổ chức**

**1. Định mức kinh phí tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Quy chế CTNB 2022** | **Đề xuất Quy chế CTNB 2023** | **Hồ sơ quyết toán\*** |
| 1 | Chi trả thù lao hội thảo: |  |  |  |
|  | Người chủ trì hội thảo | 1.500.000đ/buổi | 2.000.000đ/buổi | Danh sách ký nhận thù lao có đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định và thu thuế (nếu có) |
|  | Thư ký hội thảo, điều phối viên | 500.000đ/buổi | 500.000đ/buổi |
|  | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 2.000.000đ/báo cáo. | 2.000.000đ/báo cáo. | 2.000.000đ/báo cáo. |
|  | Báo cáo được BTC đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000đ/báo cáo. | 1.000.000đ/báo cáo. | 1.000.000đ/báo cáo. |
|  | Thành viên tham gia hội thảo: | 200.000đ/thành viên/buổi | Bỏ |
| 2 | Thù lao hỗ trợ keynote speaker chính của hội thảo. | Chưa có quy định |  |  |
|  | - Kinh phí đi lại |  | Hỗ trợ vé máy bay khứ hồi tối đa theo hạng phổ thông tiêu chuẩn | Hóa đơn mua vé máy bay, thư mời tham gia hội thảo, Boading pass |
|  | - Kinh phí lưu trú |  | Sử dụng UEH Hotel trước và sau thời gian hội thảo 1 ngày. Trường hợp không bố trí UEH Hotel, hỗ trợ kinh phí lưu trú tối đa 1.000.000 đồng/ngày | Hóa đơn, thư mời tham dự hội thảo |
|  | - Thù lao tham gia hội thảo |  |  | Danh sách ký nhận thù lao có đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định và thu thuế (nếu có) Đối với người nước ngoài: bổ sung bản sao passport |
|  | + Hội thảo quốc tế |  | Tối đa 1.000 USD/người |
|  | + Hội thảo quốc gia |  | 2.000.000 đồng/ người |
|  |  |  | (trường hợp đã hỗ trợ kinh phí đi lại, lưu trú thì thù lao tối đa 50% mức thù lao trên). |
| 3 | Kinh phí tổ chức hội thảo: Bao gồm các chi phí trang trí, quà tặng, giải thưởng, chi phí hậu cần, văn phòng phẩm, tiệc tiếp đón khách… | Chưa có quy định | Tối đa tương đương 30% tổng kinh phí tổng các mục 1, 2, 3, 4.  Đối với chi phí tổ chức tiệc chỉ thực hiện khi có nguồn tài trợ hoặc đóng phí của hội thảo | Các hồ sơ liên quan đến minh chứng chi thực tế phát sinh (hợp đồng, hóa đơn,..) |
| 4 | Kinh phí truyền thông hội thảo: Bao gồm các hoạt động thiết kế, sản xuất ấn phẩm, video; truyền thông báo đài,.. |  | Tối đa 10% tổng kinh phí tổng các mục 1, 2, 3, 4. |
| 5 | Chi phí dự phòng các khoản mục phát sinh khác | Chưa có quy định | 10% tổng các mục 1, 2, 3, 4 |  |
|  | ***Các trường hợp khác trình Hiệu trưởng phê duyệt.*** |  |  |  |

***Ghi chú: \* Hồ sơ quyết toán minh là chứng cho từng loại công việc cụ thể cùng với các hồ sơ khác theo quy định của UEH (Kế hoạch, dự toán, đề nghị thanh toán,…)***

***2. Mẫu dự toán tổ chức hội thảo***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn kinh phí UEH | Nguồn kinh phí tài trợ, thu phí tham dự hội thảo |
| **A** | **Nguồn thu (A = 1+2 -3)** |  |  |  |  | **A1 (Kinh phí tối đa theo quy chế CTNB)** | **A2 (nguồn thu phí, tài trợ)** |
| 1 | Thu phí tham dự hội thảo |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thu tài trợ |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Thuế |  |  |  |  |  |  |
| **B** | **Chi tổ chức hội thảo (B = 1 +2+3+4+5)** |  |  |  |  | **B1** | **B2** |
| 1 | Chi trả thù lao hội thảo: |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thù lao hỗ trợ keynote speaker chính của hội thảo. |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phí tổ chức hội thảo: |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Kinh phí truyền thông hội thảo: |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi phí dự phòng |  |  |  |  |  |  |
| **C** | **Chênh lệch thu - chi** |  |  |  |  | **A1 - B1** | **A2 -B2** |

***Ghi chú: Ưu tiên sử dụng tối đa nguồn tài trợ và nguồn thu phí hội thảo***